TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 09-9-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và bà Nguyễn Thanh Thu Hằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 76/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-DS ngày 07/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); trụ sở tại: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Công Q - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đ, theo quyết định uỷ quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Châu L – chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đ, theo quyết định uỷ quyền số 1793/NHNo.Đno-KHCN ngày 16/5/2024 của Giám đốc N chi nhánh tỉnh Đ (A) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Sỹ B; địa chỉ: Tổ C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A *trình bày*:

Ông Lê Sỹ B có vay vốn tại A theo hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201806830 ký ngày 11/7/2018, với số tiền cho vay: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn cho vay là 60 tháng, mục đích sử dụng vốn vay là mua sắm vật dụng sinh hoạt, lãi suất tại thời điểm ký kết là 11.5%/năm có điều chỉnh, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, phân kỳ trả gốc và lãi là 01 tháng 01 lần. Khoản vay trên không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình vay vốn, ông Lê Sỹ B đã không thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng, cụ thể không trả nợ gốc và nợ lãi đúng quy định hợp đồng. Hiện tại khoản vay trên đã quá hạn chuyển nợ xấu, tính đến ngày 30/4/2024 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201806830 đã quá hạn 2.094 ngày. A đã nhiều lần liên lạc, đôn đốc thu hồi nợ, ông Lê Sỹ B đã cam kết trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện. Tính đến ngày 09/9/2024, tổng nghĩa vụ phải trả bao gồm nợ gốc và lãi phát sinh của ông Lê Sỹ B tại A là 58.773.633 đồng, cụ thể nợ gốc: 42.500.000 đồng, nợ lãi: 16.273.633 đồng. Nay A khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Lê Sỹ B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/9/2024 là 58.773.633 đồng.

Buộc ông Lê Sỹ B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo quy định của A từng thời kỳ tại Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201806830 ngày 11/7/2018 kể từ ngày 10/9/2024 cho đến ngày ông Lê Sỹ B trả hết nợ gốc, lãi, phí (nếu có).

Đối với bị đơn ông Lê Sỹ B*:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Lê Sỹ B. Tuy nhiên, ông Lê Sỹ B không đến Toà án để tham gia tố tụng và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên hòa giải, cũng như phiên tòa. Do vậy, ông Lê Sỹ B không có lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015Bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Lê Sỹ B phải trả cho Ngân hàng N số tiền 58.773.633 đồng, cụ thể nợ gốc: 42.500.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 09/9/2024: 16.273.633 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Sỹ B trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201806830 ký ngày 11/7/2018; ông Lê Sỹ B cư trú tại tổ C, phường N, thành phố G, nên Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, ông Lê Sỹ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

***[2] Về nội dung vụ án*:**

[2.1]. A yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho A tổng số tiền là 58.773.633 đồng, cụ thể nợ gốc: 42.500.000 đồng, nợ lãi: 16.273.633 đồng và buộc ông Lê Sỹ B phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với A tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán hết tất cả mọi khoản nợ. Ông B vắng mặt tại phiên tòa và các buổi làm việc, không trình bày ý kiến gì nhưng nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ thể hiện ông B có xác lập giao dịch tín dụng, có nợ A tiền gốc và tiền lãi như A trình bày.

[2.2]. Về tiền gốc: A và ông Lê Sỹ B ký kết hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201806830 ngày 11/7/2018, với số tiền cho vay: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn cho vay là 60 tháng, mục đích sử dụng vốn

vay là mua sắm vật dụng sinh hoạt, lãi suất tại thời điểm ký kết là 11.5%/năm có điều chỉnh, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, phân kỳ trả gốc và lãi là 01 tháng 01 lần. Khoản vay trên không có tài sản bảo đảm. Ông B ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Trong quá trình vay vốn, ông Lê Sỹ B đã không thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng, cụ thể không trả nợ gốc và nợ lãi đúng quy định hợp đồng. Ông B mới chỉ trả được tiền gốc 107.500.000đ. Tính đến ngày 30/4/2024 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201806830 đã quá hạn 2.094 ngày và hiện tại khoản vay trên đã chuyển nợ xấu. A đã nhiều lần liên lạc, đôn đốc thu hồi nợ, ông Lê Sỹ B đã cam kết trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện, nay A yêu cầu ông phải trả nợ gốc còn lại là 42.500.000đ đồng. Việc khởi kiện của A là phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

…

[2.3] Về tiền lãi: Đối với khoản tiền lãi mà A tạm tính đến ngày 09/9/2024 là 56.753.084 đồng; trong đó nợ lãi trong hạn là 52.511.096đ, lãi trên gốc quá hạn là 4.241.988 đồng, ông B đã trả được tiền lãi 40.479.451đ, nay buộc ông B tiếp tục trả 16.273.633đ tiền lãi. Do ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, A đã chuyển khoản nợ trên thành nợ quá hạn buộc ông B phải trả lãi trong hạn và tiền lãi trên gốc quá hạn. Việc A áp dụng mức lãi suất và đề nghị ông B phải trả là phù hợp với Điều 7 quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên cần chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền ông Lê Sỹ B phải trả cho A là 58.773.633 đồng (*năm mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng*), cụ thể nợ gốc: 42.500.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 09/9/2024: 16.273.633 đồng (*lãi trong hạn là 12.031.645đ, lãi quá hạn là 4.241.988đ*)

[2.4] Về yêu cầu buộc ông Lê Sỹ B phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo quy định của A từng thời kỳ tại các Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201806830 ngày 11/7/2018 kể từ ngày 10/9/2024 cho đến ngày ông Lê Sỹ B thanh toán xong nợ gốc, lãi, phí (nếu có) là phù hợp, cần chấp nhận.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận, nên ông Lê Sỹ B phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 58.773.633 đồng x 5% = 2.937.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Án lệ số 08/2016/ALược Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Lê Sỹ B.

Buộc ông Lê Sỹ B phải trả cho Ngân hàng N (chi nhánh tỉnh Đ) số tiền 58.773.633 đồng (*năm mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng*), cụ thể nợ gốc: 42.500.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 09/9/2024: 16.273.633 đồng (*lãi trong hạn là 12.031.645đ, lãi quá hạn là 4.241.988đ*).

Kể từ ngày 09/9/2024, ông Lê Sỹ B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201806830 ký ngày 11/7/2018 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đ cho vay thì lãi suất mà ông Lê Sỹ B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đ.

2. Về án phí:

Ông Lê Sỹ B phải chịu 2.937.000đ (*hai triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng N (chi nhánh tỉnh Đ) 1.387.925đ (*một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chí trăm hai mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007126 ngày 03/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS tp. Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến